

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2023

V/v Tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng
khi hủy kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cường;

2. Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án hôn nhân gia đình số 174/TB-TA ngày 01/6/2023, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 08/6/2023, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 03/2023/QĐST-DS ngày 07/8/2023, Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân gia đình số 238/TB-TA ngày 15/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê H, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã Triệu L, huyện Triệu P, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện nay: Lô A1-A7, đường N2, khu công nghiệp Đ, phường Phú T, thành phố Thủ D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: Xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tây An H, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ trụ sở: Thôn 3 Thanh T, xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung K – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Thanh T.

Địa chỉ: Thôn 3 Thanh M, xã Thanh T, huyện Lê T, tỉnh Quảng Bình.

Anh H và ông K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị K vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/8/2022, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê H trình bày:*

Về hôn nhân: Trước đây anh và chị Trần Thị K có tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh T, huyện Lê T, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau ba con chung. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do lối sống không hợp nhau, bất đồng về cách sống, vợ chồng chung sống không có tiếng nói chung nên hạnh phúc không thể kéo dài được nữa, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung được. Nay anh H xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Trần Thị K.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Thị Thanh T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006, Lê Thị Lệ T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006 và Lê Thị Hồng V, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2012, hiện các cháu đang ở với chị K. Nếu ly hôn anh H giao 03 cháu cho chị Trần Thị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản trình bày ý kiến đề ngày 04/5/2023 của anh Lê H đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật với chị Trần Thị K, các yêu cầu khác thì anh giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị K không đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Thị Thanh T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006, Lê Thị Lệ T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006 và Lê Thị Hồng V, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2012, hiện các cháu đang ở với chị K. Nếu ly hôn, chị K yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu chị K có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy kết hôn trái pháp luật với chị nhưng chị không có ý kiến gì.

** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình là ông Trần Trung K trình bày:*

Căn cứ theo Sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại UBND xã Thanh T, tại quyển số 04, số thứ tự 101 ngày 26/9/2005 anh Lê H và chị Trần Thị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình.

Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh H khai báo là Lê H “sinh ngày 16 tháng 6 năm 1981” (thời điểm đó anh H đã trên 20 tuổi) nên UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh H với chị K.

Quá trình lưu trữ hồ sơ, thủ tục đăng ký kết hôn đối với anh Lê H và chị Trần Thị K như tờ khai, giấy tờ tùy thân đã bị thất lạc, không còn lưu trữ tại UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn và UBND xã đã sao từ sổ đăng ký kết hôn gửi cho Tòa án.

Ông K có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thủ tục cấp, tổng đạt, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng, không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 16, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lê H và chị Trần Thị K, được đăng ký vào ngày 26/9/2005 tại UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình.

- Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006, Lê Thị Lệ T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006 và Lê Thị Hồng V, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2012 cho chị Trần Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định lại là “Tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi hủy kết hôn trái pháp luật” đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”*. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Trần Thị K đang cư trú tại: Thôn Tây An H, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 09/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý, giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, các đương sự cũng không có bất cứ khiếu nại, ý kiến gì về thủ tục tố tụng của Tòa án. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn anh Lê H và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình là ông Trần Trung K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lê H và chị Trần Thị K kết hôn vào ngày 26/9/2005 tại UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình. Do quan hệ hôn nhân của anh H và chị K được xác lập trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực vào ngày 01/01/2015 nên căn cứ vào Điều 131 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết về quan hệ hôn nhân của anh H và chị K.

[2.1.1] Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) do nguyên đơn cung cấp có dấu hiệu tẩy sửa ngày, tháng, năm sinh của nguyên đơn nên Tòa án đã đề nghị UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình nơi anh H và chị K đăng ký kết hôn thực hiện việc sao từ sổ đăng ký kết hôn và cung cấp toàn bộ thủ tục đăng ký kết hôn giữa anh H và chị K.

[2.1.2] Trong trích lục kết hôn số 169/TLKH-BS ngày 09/5/2023 của UBND xã Thanh T, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cung cấp cho Tòa thì anh Lê H sinh ngày 16/6/1981. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu UBND xã Thanh T cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa anh H với chị K nhưng UBND xã Thanh T trả lời là không còn lưu trữ do bị thất lạc, chỉ có thông tin trong Sổ đăng ký kết hôn, xác nhận anh Lê H sinh ngày 01/4/1987 và anh Lê H sinh ngày 16/6/1981 là một người và tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh Lê H khai sinh ngày 16 tháng 6 năm 1981 (thời điểm đó anh H đã trên 20 tuổi) nên UBND xã Thanh T thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh H và chị K.

[2.1.3] (1) Các tài liệu do UBND xã Triệu L, huyện Triệu P, tỉnh Quảng Trị cung cấp cho Tòa như: Tờ khai đăng ký lại khai sinh của anh Lê H; Phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu của Công an xã Triệu L gửi Công an huyện Triệu Ph xác minh; Sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy khai sinh (bản sao) thì anh Lê H đều sinh năm 1987 và UBND xã Triệu L xác nhận từ trước đến nay anh Lê H không có yêu cầu thực hiện việc thay đổi, cải chính hộ tịch về ngày, tháng, năm sinh của anh Lê H.

[2.1.4] (2) Căn cứ các tài liệu do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án như giấy chứng minh nhân dân (bút lục 06), Trích lục khai sinh Lê Thị Thanh T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006 và Lê Thị Lệ T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006 đăng ký khai sinh ngày 07/10/2011 (bút lục 08, 11) và Trích lục khai sinh Lê Thị Hồng V, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2012 đăng ký khai sinh ngày 03/12/2012 (bút lục 07) đều thể hiện Lê H sinh năm 1987.

[2.1.5] Từ (1) và (2) Hội đồng xét xử xác định anh Lê H sinh ngày 01 tháng 4 năm 1987 là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Còn việc anh Lê H sinh ngày 16/6/1981 để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 9 năm 2005 tại UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình là do anh H khai báo không trung thực. Vì vậy, việc anh H và chị K đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 9 năm 2005 (tại UBND xã Thanh T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình) khi đó anh H chưa đủ 20 tuổi (18 tuổi 5 tháng 25 ngày); do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh H với chị K là kết hôn trái pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh với chị K, bị đơn không có ý kiến và người đại diện của UBND xã Thanh T, huyện Lệ T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị K.

[2.2] Về con chung: Anh H đồng ý giao ba con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị K cũng đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp

nuôi sau khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Thị Thanh T, Lê Thị Lệ T và Lê Thị Hồng V cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H đồng ý giao con cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mà không cấp dưỡng nuôi con chung; chị K đề nghị trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy chị K trực tiếp nuôi ba cháu và có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, trong khi anh H đang lao động có thu nhập bình quân khoảng 7 triệu đồng một tháng (bút lục 29) nên anh H phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con để chị K có tiền nuôi con chung đó là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 82, 107, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 anh Lê H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị K nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị K trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 15, 16, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lê H với chị Trần Thị K và hai bên phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Giao ba con chung là cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006, Lê Thị Lệ T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2006 và Lê Thị Hồng V, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2012 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lê H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 cháu, mức cấp dưỡng nuôi mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023.

Anh Lê H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị K trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000892 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn. Anh Lê H còn phải tiếp tục nộp tiền án phí là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Lý Sơn;
- Chi cục THADS H. Lý Sơn;
- UBND xã Thanh Thủy, H. Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu